

Số: 1060 / QĐ - CHK

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai số liệu giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

#### CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-BXD ngày 01/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

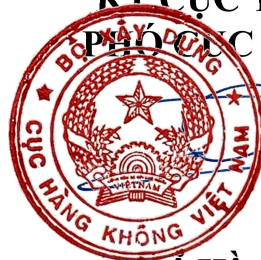
**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của các đơn vị dự toán trực thuộc Cục Hàng không Việt Nam (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để bc);
- Cục trưởng (để bc);
- VPCHK;
- CVHKMB; CVHKMT; CVHKMN;
- Trang TTĐT Cục HKVN (để công khai);
- Lưu: VT, KHTC (02b).

KT CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG  
  
Đỗ Hồng Cẩm

Đơn vị: Cục Hàng không Việt Nam  
Chương: 021

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO  
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số: 1060/QĐ-CHK ngày 16 / 07 / 2025 của Cục HKVN )

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Số TT | Nội dung                                    | Tổng số được giao | Tổng số đã phân bổ | Văn phòng Cục HKVN | Cảng vụ HKMB | Cảng vụ HKMT | Cảng vụ HKMN |
|-------|---------------------------------------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|--------------|--------------|
| 1     | 2                                           | 3                 | 4=5+6+...          | 5                  | 7            | 8            | 9            |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |                   |                    |                    |              |              |              |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước              | 85.686.259        | 85.686.259         | 14.630.000         | 21.328.259   | 16.004.000   | 33.724.000   |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                  | 85.686.259        | 85.686.259         | 14.630.000         | 21.328.259   | 16.004.000   | 33.724.000   |
| 1     | Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể        | 73.241.259        | 73.241.259         | 2.185.000          | 21.328.259   | 16.004.000   | 33.724.000   |
| 1.1   | Quản lý nhà nước (L340-K341)                | 73.241.259        | 73.241.259         | 2.185.000          | 21.328.259   | 16.004.000   | 33.724.000   |
| -     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            | -                 | -                  |                    |              |              |              |
| -     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      | 73.241.259        | 73.241.259         | 2.185.000          | 21.328.259   | 16.004.000   | 33.724.000   |
| 2     | Chi hoạt động kinh tế                       | 12.445.000        | 12.445.000         | 12.445.000         |              |              |              |
| 2.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              | -                 | -                  |                    |              |              |              |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        | 12.445.000        | 12.445.000         | 12.445.000         |              |              |              |
| a.    | Chi hoạt động kinh tế hàng không            | -                 | -                  |                    |              |              |              |
| b     | Chi sự nghiệp kinh tế khác                  | 12.445.000        | 12.445.000         | 12.445.000         |              |              |              |
|       |                                             |                   |                    |                    |              |              |              |

**Ghi chú:** Công bố công khai trên cơ sở các Quyết định số: 986/QĐ-CHK ngày 04/07/2025 và 793/QĐ-CHK ngày 12/06/2025 của Cục trưởng Cục HKVN; 162/QĐ-CVMB ngày 18/06/2025 của Giám đốc CVMB; 239/QĐ-CVMN ngày 11/07/2025 của Giám đốc CVMN; 119/QĐ-CVMT ngày 18/06/2025 của Giám đốc CVMT .